

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò cát làm VLXD thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Đăk Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum”
(Trữ lượng tính đến ngày 25/4/2018)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 280/GP-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Hoàng Long Hưng được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT) tại điểm mỏ thuộc thôn Đăk Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hoàng Long Hưng tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 04/5/2018;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 26/6/2018 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng trong “Báo cáo kết quả thăm dò cát làm VLXDTT tại điểm mỏ thuộc thôn Đăk Tông, xã Ngọc Tú, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum”, với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 0,62 ha; trong đó diện tích có phân bố khoáng sản 0,3191 ha (có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm VLXDTT đã tính trong báo cáo cấp 122: 2.294 m³ (Hai ngàn hai trăm chín mươi bốn mét khối).

3. Tài nguyên cấp 333: Trong thực tế nguồn bồi lắng cát, sỏi hàng năm khá dồi dào tài nguyên dự báo trong tài liệu thăm dò ổn định trong 5 năm tới liền kề 17.550m³ (trong đó cát vàng 11.472m³; sạn sỏi 6.078m³)

4. Các khoáng sản đi kèm:

Trữ lượng sạn, sỏi làm VLXDTT cấp 122: 1.216 m³ (Một ngàn hai trăm mười sáu mét khối).

5. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: Trung bình 1,1m (Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

6. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Trữ lượng cát làm VLXDTT huy động vào thiết kế khai thác cấp 122: 2.294 m³

- Trữ lượng sạn, sỏi làm VLXDTT huy động vào thiết kế khai thác cấp 122: 1.216 m³.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Biên bản họp thẩm định ngày 23/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Đăk Tô; Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Long Hưng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn



**TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT
TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số: **660/QĐ-UBND**
ngày **28** tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN-2000 <i>Kinh tuyến trực 107⁰30 phút, múi chiều 3⁰</i>	
	X (m)	Y (m)
1	1.627.190	529.847
2	1.627.160	529.890
3	1.627.098	529.946
4	1.627.050	529.954
5	1.627.081	529.923
6	1.627.145	529.881
7	1.627.179	529.841
Diện tích: 0,3191 ha		



**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu của khối trữ lượng (trung bình)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	122	1,1m	2.294	Cát vàng
2			1.216	Sạn, sỏi